kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **45 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 21/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.GK1.031

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật gồm hai đoạn: từ $(0\ \text{s};\ 1\ \text{m/s})$ tới $(4\ \text{s};\ 14\ \text{m/s})$, rồi giữ nguyên vận tốc $14\ \text{m/s}$ thêm $5\ \text{s}$ nữa. Gia tốc của vật trên đoạn thứ nhất bằng

A. $13\ \text{m/s}^2$ **B.** $3,25\ \text{m/s}^2$ **C.** $30\ \text{m/s}^2$ **D.** $3,5\ \text{m/s}^2$

Câu 2. Hiện tượng "chất bán dẫn dẫn điện tốt hơn khi nhiệt độ tăng" thuộc lĩnh vực nào của Vật lí?

A. Vật lí chất rắn **B.** Vật lí lượng tử **C.** Quang học **D.** Vật lí hạt nhân

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng về chữ số có nghĩa?

A. Viết thêm số không vào cuối phần thập phân không làm đổi số chữ số có nghĩa.

B. Mọi chữ số không xuất hiện trong một số đều không có nghĩa.

C. Các số không đứng trước chữ số khác không đầu tiên thì không phải chữ số có nghĩa.

D. Số chữ số có nghĩa bằng số chữ số ở phần thập phân.

Câu 4. Kết quả đo cho $g = 9,83\ \text{m/s}^2$ với sai số tỉ đối 8%. Sai số tuyệt đối của g bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $8\ \text{m/s}^2$ **B.** $78,62\ \text{m/s}^2$ **C.** $1,23\ \text{m/s}^2$ **D.** $0,79\ \text{m/s}^2$

Câu 5. Một chiếc xe máy đang chạy với vận tốc $1\ \text{m/s}$ thì sau $8\ \text{s}$ vận tốc trở thành $18\ \text{m/s}$. Gia tốc của một chiếc xe máy bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $-2,13\ \text{m/s}^2$ **B.** $17\ \text{m/s}^2$ **C.** $2,13\ \text{m/s}^2$ **D.** $2,25\ \text{m/s}^2$

Câu 6. Việc nào sau đây là phép đo trực tiếp?

A. Đọc số chỉ của ampe kế mắc trong mạch.

B. Tính điện trở từ số chỉ vôn kế và ampe kế.

C. Tính diện tích tấm bìa từ chiều dài và chiều rộng đã đo.

D. Tính tốc độ từ quãng đường và thời gian đã đo.

Câu 7. Một chiếc xe đạp đi được $76\ \text{m}$ trong $4\ \text{s}$. Tốc độ trung bình bằng

A. $19\ \text{m/s}$ **B.** $0,1\ \text{m/s}$ **C.** $304\ \text{m/s}$ **D.** $76\ \text{m/s}$

Câu 8. Một bảng thiết bị ghi năm đơn vị $\text{K}, \text{mol}, \text{A}, \text{cd}, \text{V}$. Chỉ xét phân loại trong hệ SI; không suy đơn vị là cơ bản chỉ vì có tên riêng. Đơn vị dẫn xuất trong danh sách là đơn vị nào?

A. K. **B.** V. **C.** mol. **D.** A.

Câu 9. Một người đi 5 m về hướng bắc, rồi đi tiếp 12 m về hướng tây. Độ lớn độ dịch chuyển của người ấy bằng

A. 17 m **B.** 16 m **C.** 13 m **D.** 7 m

Câu 10. Cùng một nhiệt kế lần lượt hiển thị $M_A = 25\ ^\circ\text{C}$, $M_B = 15\ ^\circ\text{C}$. Mô hình mỗi lần là $M_i = T_i + b + \varepsilon_i$: b giống hệt ở hai lần, chưa biết trong $[-3; 3]\ ^\circ\text{C}$ | $\varepsilon_A| \le 0,3\ ^\circ\text{C}$, | $\varepsilon_B| \le 0,3\ ^\circ\text{C}$. Hai sai số riêng độc lập về giới hạn, không giả định phân bố xác suất. Khoảng chặt nhất của hiệu nhiệt độ thật là gì?

A. $[10; 10]\ ^\circ\text{C}$. **B.** $[3,4; 16,6]\ ^\circ\text{C}$. **C.** $[9,7; 10,3]\ ^\circ\text{C}$. **D.** $[9,4; 10,6]\ ^\circ\text{C}$.